

**BIÊN BẢN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Ban hành theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Thời gian: Ngày 14/01/2025
2. Địa điểm: Tại trường Tiểu học Hưng Đạo

I. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)		Điều kiện bắt buộc		- Kế hoạch số: 241/ KH–THHĐ ngày 07/10/2024 của trường TH Hưng Đạo về Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến.
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến		Điều kiện bắt buộc		- Quy chế số: 243/ QC- THHĐ ngày 08/10/2024 của trường TH Hưng Đạo về quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	18/ 30 điểm	6/6 điểm	Mức độ 2 (18 điểm)	- Phần mềm Microsoft Teams; Google Meet, Zoom Cloud Meetings.
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các		12/24 điểm		- Hệ thống quản lý học tập trực tuyến qua đường link: https://lamviectot.edu.vn - Hệ thống quản lý học tập trực tuyến trên phần mềm giáo viên giao bài cho HS tự học và trả lời giải đáp) các câu hỏi của học sinh:

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	<p>chức năng:</p> <p>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;</p> <p>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;</p> <p>(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;</p> <p>(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.</p>			<p>Mức độ 1: dưới 10 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 10 -20 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 20 điểm</p>	<p>https://azota.vn/bai-tap/dhrsorbk</p> <p>https://www.baamboozle.com/game/1364315</p> <p>https://quizizz.com/join/quiz/6339356688134d001de27a92/start?studentShare=true</p>
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10/10	10/10 điểm	<p>Mức độ: 3 (10 điểm)</p> <p>Mức độ 1: dưới 4 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 7 điểm</p>	<p>-Kho học liệu bài giảng điện tử trên cổng thông tin điện tử của trường: https://thungdao.haiphong.edu.vn/kho-hoc-lieu-bai-giang-dien-tu</p> <p>Tổng số bài giảng điện tử năm học 2024 - 2025: 189 bài</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	14/20	10/15 điểm	Mức độ: 2 (14 điểm) Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	- Tổ chức chuyên đề chuyên môn quận có triển khai phần mềm đánh giá kết quả học tập học sinh trên học liệu số -Link https://me-qr.com/vi/qr-code- - Báo cáo chuyên đề, kế hoạch bài dạy.
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		0/5 điểm		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20/20	7/7 điểm	Mức độ 3: (20 điểm) Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	- Danh sách 100% CBQL, GV có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến LMS để tự bồi dưỡng qua mạng. Đường dẫn link: https://taphuan.csdl.edu.vn/admin/school/accounts -100% giáo viên khai thác các phần mềm, công cụ trên mạng internet nhằm đổi mới phương pháp dạy học. +Kế hoạch bài dạy của GV, link: https://vnedu.vn/
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		7/7 điểm		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		6/6 điểm		-100% GV xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử. Đường dẫn link: https://thungdao.haiphong.edu.vn/kho-hoc-lieu-bai-giang-dien-tu
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	15/20	8/8 điểm	Mức độ: 3 (15 điểm)	-100% các phòng học và phòng chức năng có máy vi tính kết nối internet, ti vi (máy chiếu) loa âm thanh. + Kiểm kê tài sản các phòng học cuối năm học 2024-2025.
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		5/7 điểm Mức độ 2	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 2: 2-3 học sinh học sinh học chung 01 máy vi tính. + Hình ảnh học sinh học Tin học.
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		2/5 điểm		- Hình ảnh phòng Tin học có hệ thống máy tính kết nối Internet, loa âm thanh
Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong dạy học			73 điểm	Mức độ 2	
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT,		Điều kiện bắt buộc		-Quyết định số: 259/ QĐ – THHD ngày 15/10/2024 V/v kiện toàn Ban chỉ đạo

¹ **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng	
	chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				CNTT, CDS nhà trường (kèm theo phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên)	
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		Điều kiện bắt buộc		-Kế hoạch số 260/ KH- THHH ngày 15/10/2024 của trường TH Hưng Đạo kế ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2024.	
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):	65/70	6/6 điểm	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-bottom: 5px;">Mức độ:3</div> Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	-Đường link phần mềm quản trị nhà trường: + Link Cơ sở dữ liệu ngành GD Hải Phòng https://truong.haiphong.edu.vn/C1/HoSoTruongDetail.aspx	
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường					- Link: Phân hệ Quản lý học sinh: https://csdl.haiphong.edu.vn/
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		6/6 điểm			
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (File PDF tối đa 5 điểm; áp dụng chứng thư số tối đa 15 điểm).		File PDF: 5 điểm; áp dụng chứng thư số 15 điểm		-Link Sổ điểm, học bạ điện tử : https://truong.haiphong.edu.vn (Đã lưu dữ liệu đánh giá kết quả học tập HS năm học 2023-2024)	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		6/6 điểm		Link Phân hệ quản lý đội ngũ: + https://truong.haiphong.edu.vn/C1/DSGiaoVien.aspx +Missa: https://truong.haiphong.edu.vn/C1/HoSoTruongDetail.aspx + haiphong.cbql.vn
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		10/10 điểm		-LinkCSVC: https://truong.haiphong.edu.vn/C1/BaoCaEQMS_DauNam_CSVC.aspx
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		5/10 điểm		+ Link phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, sức khỏe HS: https://truong.haiphong.edu.vn/giaoduc/chat/c1/nhapthongtinsuckhoehocsinh.aspx
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		6/6 điểm		Link Phân hệ quản lý kế toán: https://id.misa.vn/
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		6/6 điểm		-Link phần mềm csdl ngành: https://truong.haiphong.edu.vn/C1/HoSoTruongDetail.aspx https://truong.haiphong.edu.vn/LienThongDanCu/C1/NhanSuDongBoSoDinhDanhCaNhan.aspx

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	26/30	4/8 điểm	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;">Mức độ:3</div> Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	-Kết nối giữa nhà trường và gia đình qua ứng dụng zalo của các lớp (hình ảnh liên hệ giữa PHHS và GVCN qua zalo nhóm lớp đính kèm) -Đường link tuyển sinh đầu cấp: https://truong.haiphong.edu.vn/TuyenSinhDaUCap/C1/XetDuyetHoSoTrucTuyen.aspx + Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025. + Báo cáo công tác tuyển sinh năm học 2024 – 2025 -Hình ảnh PHHS nộp các khoản tiền qua tài khoản cho GVCN. -App: Viettel Money
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		12/12 điểm		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		10/10 điểm		
Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong quản trị CSGD			91	Mức độ 3	

(Phụ lục minh chứng kèm theo: Có)Không:)

